



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600495818 ngày 12 tháng 5 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Bà Trần Quế Trang	Thành viên
Ông Henry Chung	Thành viên
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
Ông Lê Quang Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (từ ngày 4 tháng 11 năm 2016)
	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (đến ngày 3 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 11 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban
Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bà Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 9 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

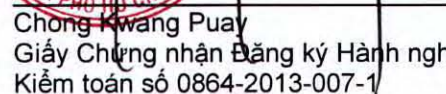
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-183-2




Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2017

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.537.416.133.362	2.315.929.177.714
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	653.169.244.361	425.509.868.715
Tiền	111		105.769.244.361	342.909.868.715
Các khoản tương đương tiền	112		547.400.000.000	82.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	383.438.911.770	-
Chứng khoán kinh doanh	121		32.188.911.770	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		351.250.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.330.466.889.224	1.043.314.529.651
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	791.903.340.756	490.534.672.883
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.058.383.233.925	347.860.161.211
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	121.917.000.000	155.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	375.700.150.600	65.698.991.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(17.436.836.057)	(15.779.295.445)
Hàng tồn kho	140	12	1.071.598.463.737	787.825.870.456
Tài sản ngắn hạn khác	150		98.742.624.270	59.278.908.892
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	68.789.823.699	28.015.768.306
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.554.371.302	31.062.376.949
Thuế phải thu Nhà nước	153	22(b)	1.398.429.269	200.763.637
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		3.085.450.009.749	2.277.722.769.029
Các khoản phải thu dài hạn	210		37.063.708.407	66.368.071.018
Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	37.050.708.407	18.355.071.018
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	48.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		13.000.000	13.000.000
Tài sản cố định	220		488.044.029.631	504.199.934.570
Tài sản cố định hữu hình	221	14	480.546.636.072	495.461.028.561
Nguyên giá	222		1.056.935.560.807	1.009.147.652.675
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(576.388.924.735)	(513.686.624.114)
Tài sản cố định vô hình	227	15	7.497.393.559	8.738.906.009
Nguyên giá	228		21.130.305.431	21.130.305.431
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.632.911.872)	(12.391.399.422)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Bất động sản đầu tư	230	16	56.087.729.132	59.092.428.908
<i>Nguyên giá</i>	231		60.093.995.500	60.093.995.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(4.006.266.368)	(1.001.566.592)
Tài sản dở dang dài hạn	240		131.175.752.019	112.759.800.088
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	131.175.752.019	112.759.800.088
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	18	2.215.084.718.150	1.408.406.103.384
Đầu tư vào các công ty con	251		2.030.757.767.350	1.254.757.767.350
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		166.746.814.800	86.650.962.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.580.136.000	66.997.374.034
Tài sản dài hạn khác	260		157.994.072.410	126.896.431.061
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	153.077.006.155	124.967.727.683
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	4.917.066.255	1.928.703.378
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.622.866.143.111	4.593.651.946.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.142.653.213.041	2.518.401.399.005
Nợ ngắn hạn	310		3.124.071.535.158	2.010.606.542.144
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	102.943.440.526	242.403.597.786
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	43.423.353.083	9.051.646.999
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22(a)	508.137.033	5.122.493.688
Phải trả người lao động	314		14.001.893.618	22.794.188.440
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	33.924.977.501	18.045.838.253
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.705.083.336	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	42.169.411.623	57.020.635.069
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	25(a)	2.863.452.542.501	1.634.416.637.203
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	26	21.942.695.937	21.751.504.706
Nợ dài hạn	330		1.018.581.677.883	507.794.856.861
Phải trả dài hạn khác	337		99.000.000	109.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	25(b)	1.018.482.677.883	507.685.856.861
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.480.212.930.070	2.075.250.547.738
Vốn chủ sở hữu	410	27	3.480.212.930.070	2.075.250.547.738
Vốn cổ phần	411	28	2.978.744.490.000	1.295.111.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		72.859.283.000	461.712.700.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	171.812.353.283	154.291.915.117
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	30	18.257.175.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421		238.539.628.787	164.133.952.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		142.130.299.483	13.966.794.155
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		96.409.329.304	150.167.158.466
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.622.866.143.111	4.593.651.946.743

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	4.548.447.572.365	4.101.071.660.624
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	14.744.557.230	21.683.821.615
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	4.533.703.015.135	4.079.387.839.009
Giá vốn hàng bán	11	33	4.222.094.838.912	3.611.315.170.577
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		311.608.176.223	468.072.668.432
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	198.834.319.249	37.040.577.087
Chi phí tài chính	22	35	157.664.793.712	81.518.483.171
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>152.385.871.054</i>	<i>74.907.916.977</i>
Chi phí bán hàng	25	36	116.369.941.556	99.220.470.437
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	118.717.453.845	106.808.957.215
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		117.690.306.359	217.565.334.696
Thu nhập khác	31	38	890.080.619	6.505.951.311
Chi phí khác	32		13.435.850	2.489.063.434
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		876.644.769	4.016.887.877
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		118.566.951.128	221.582.222.573
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	9.810.647.602	40.890.852.207
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	(2.988.362.877)	5.486.988.706
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		111.744.666.403	175.204.381.660

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		118.566.951.128	221.582.222.573
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		69.405.984.929	56.010.199.571
Các khoản dự phòng	03		1.657.540.612	(2.621.795.586)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.458.906.569	225.633.513
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con	05		(194.696.084)	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	05		(58.653.221.966)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(316.638.522)	(5.767.068.309)
Thu nhập tiền lãi	05		(53.851.044.753)	(35.586.938.758)
Thu nhập cổ tức	05		(81.078.684.800)	(627.704.000)
Chi phí lãi vay	06		152.385.871.054	74.907.916.977
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		149.380.968.167	308.122.465.981
Biến động các khoản phải thu	09		(1.009.402.591.547)	(149.985.072.357)
Biến động hàng tồn kho	10		(283.967.289.365)	(88.390.093.197)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(104.199.654.400)	14.769.836.983
Biến động chi phí trả trước	12		(71.592.544.561)	(138.774.630.980)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(32.188.911.770)	-
			(1.351.970.023.476)	(54.257.493.570)
Tiền lãi vay đã trả	14		(148.559.885.191)	(71.135.109.345)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.922.210.623)	(51.254.227.220)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.737.753.788)	(17.029.247.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.528.189.873.078)	(193.676.077.363)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(371.083.710.786)	(115.018.918.876)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.448.227.859	90.721.619.643
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(478.606.480.000)	(408.000.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		208.439.480.000	287.921.461.456
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(884.023.702.800)	(280.426.527.300)
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26		136.193.006.084	2.250.000.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27		108.357.411.894	39.189.145.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.275.275.767.749)	(383.363.219.081)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thuần thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.294.711.993.000	61.191.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		6.355.227.304.002	4.148.389.172.439
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.618.747.028.422)	(3.184.661.187.544)
Tiền trả cổ tức	36		(34.451.400)	(61.634.410.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.031.157.817.180	963.284.574.595
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		227.692.176.353	386.245.278.151
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		425.509.868.715	39.236.047.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(32.800.707)	28.542.755
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	653.169.244.361	425.509.868.715

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Vân
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Ngô Thị Thanh Hằng
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Thảo
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và được chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, cổ phiếu của Công ty đã hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 8 năm 2017 theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (Thuyết minh 42).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 1.001 nhân viên (1/7/2016: 1.082 nhân viên).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-001 cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 9 năm 2016, đặt tại số 561A, Đường Trần Phú, Ấp Tân Phước, Xã Tân Bình, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-009 cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 21 tháng 9 năm 2016, đặt tại Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, đặt tại Ấp Thanh Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được thành lập theo Giấy Chứng nhận văn phòng đại diện số 3600495818-012 cấp ngày 8 tháng 9 năm 2014, thay đổi lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2017, đặt tại số 512, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(e) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Công ty đã mua lại 60% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (hiện nay là Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu) với giá trị khoản đầu tư là 798 tỷ VND để mở rộng vùng nguyên liệu tại Lào và tăng công suất ép mía và sản xuất đường của Công ty và các công ty con. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty con đã tăng lên đáng kể trong năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trước khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Chính sách kế toán cho các khoản phải thu quá hạn của Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất từ 19 năm đến 20 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 15 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 20 năm
- nhà cửa 20 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 năm đến 45 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm liên quan và đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Tiền mặt	283.858.555	361.980.226
Tiền gửi ngân hàng	104.569.565.806	342.547.888.489
Tiền đang chuyển	915.820.000	-
Các khoản tương đương tiền	547.400.000.000	82.600.000.000
	653.169.244.361	425.509.868.715

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2017			1/7/2016		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	25.000	2.670.361.261	3.107.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	200.000	3.994.983.500	4.460.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	200.000	6.351.941.642	6.980.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	501.100	19.171.625.367	19.292.350.000	-	-	-
		32.188.911.770	33.839.850.000		-	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày báo cáo.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND với thời gian đáo hạn từ hơn 3 tháng đến 12 tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 4,8% đến 6,5% trong năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Global Mind Commodities Trading Pte Ltd	237.957.244.000	4.561.786.000
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	90.669.422.785	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	87.078.726.422	6.006.658
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	51.389.456.475	136.069.815.000
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	39.778.765.787	120.935.669.588
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	37.301.644.930	-
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	36.892.800.000	61.562.172.000
Các khách hàng khác	210.835.280.357	167.399.223.637
	791.903.340.756	490.534.672.883

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 567.395 triệu VND (1/7/2016: 360.058 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	90.669.422.785	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	39.778.765.787	120.935.669.588
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	37.301.644.930	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	27.771.350.479	444.163.507
Công ty TNHH Hải Vi	9.428.771.864	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	8.946.913.393	26.620.550
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	7.363.862.101	6.710.713.434
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	1.974.696.084	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	200.285.556	26.712.219.100
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	292.281.772	-
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	88.975.708	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Thành Công Gia Lai	77.213.278	13.200.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	8.400.000
	223.894.183.737	154.850.986.179

Phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	671.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	155.269.210.393	-
Global Mind Commodities Trading Pte Limited	-	220.781.750.000
Trả trước cho nông dân trồng mía	149.017.883.191	112.265.155.091
Các nhà cung cấp khác	120.146.848.748	33.168.327.138
	1.095.433.942.332	366.215.232.229

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi theo lãi suất tháng cố định là 0,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 0,8%). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 năm đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong năm, Công ty đã cắt trừ 102 tỷ VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 116 tỷ VND).

(b) Trả trước cho người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Ngắn hạn	1.058.383.233.925	347.860.161.211
Dài hạn	37.050.708.407	18.355.071.018
	1.095.433.942.332	366.215.232.229

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Công ty Cổ Phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(*) (**)	671.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	(**)	155.269.210.393	-
Công ty TNHH Hải Vi	(***)	34.455.683.676	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	(**)	29.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	(**)	5.670.333.850	9.007.241.465
Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công	(***)	314.684.000	103.717.500
		895.709.911.919	9.110.958.965

- (*) Khoản trả trước này chủ yếu bao gồm khoản trả trước để mua đường thô được sản xuất tại Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 31/2016-2017/NL/ĐBH ngày 19 tháng 5 năm 2017. Công ty dự kiến tiến độ giao nhận hàng sẽ bắt đầu từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018.
- (**) Khoản trả trước cho các bên liên quan này không được đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất năm từ 7,0% đến 8,5% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 7,5% đến 8,5%).
- (***) Khoản trả trước cho các bên liên quan này không được đảm bảo và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

	Ngày đáo hạn	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan:			
Công đoàn cơ sở – Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	2018	5.917.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	2017	-	75.000.000.000
Phải thu về cho vay từ bên thứ ba:			
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	2017	116.000.000.000	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	2016	-	80.000.000.000
		121.917.000.000	203.000.000.000
Ngắn hạn		121.917.000.000	155.000.000.000
Dài hạn		-	48.000.000.000

Phải thu về cho vay không được đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất năm từ 6% đến 9% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 8,5% đến 11%).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Đặt cọc thuê đất cho Công ty Cổ phần Lộc Thổ, một bên liên quan	(*)	300.000.000.000	-
Tạm ứng thuê đất cho một nhân viên	(**)	34.372.330.262	43.442.229.250
Tạm ứng cho người lao động		14.208.994.923	14.008.153.506
Phải thu lãi từ trả trước cho người bán		7.202.000.134	-
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía		6.479.988.679	2.575.829.603
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng		6.827.871.111	-
Phải thu khác		6.608.965.491	5.672.778.643
		375.700.150.600	65.698.991.002

- (*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Lộc Thổ, một bên liên quan, bao gồm các khoản đặt cọc ngắn hạn để thuê đất trồng mía tại Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Hiện tại, Công ty và bên liên quan đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục và tài liệu pháp lý để ký kết hợp đồng thuê. Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ ký hợp đồng thuê trước tháng 12 năm 2017. Khoản đặt cọc này không được đảm bảo và không hưởng lãi.
- (**) Khoản này chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc để thuê đất trồng mía tại Huyện Thành Long, Tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2017				1/7/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ trả trước cho nông dân trồng mía								
Nguyễn Minh Đạt	1.913	3.873.149.384	(3.873.149.384)	-	1.548	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-
Nguyễn Văn Bình	1.548	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-	1.184	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-
Võ Thành Vinh	825	1.981.523.720	(1.387.066.604)	594.457.116	461	2.222.892.349	(1.111.446.175)	1.111.446.174
Lê Văn Hùng	1.548	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-	1.183	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-
Khác		10.104.422.245	(5.910.419.029)	4.194.003.216		4.546.875.750	(3.654.523.837)	892.351.913
		<u>20.780.527.547</u>	<u>(15.992.067.215)</u>	<u>4.788.460.332</u>		<u>16.344.349.681</u>	<u>(14.340.551.594)</u>	<u>2.003.798.087</u>
Nợ quá hạn từ phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH Phước Thịnh	2.038	999.809.072	(999.809.072)	-	1.673	999.809.072	(999.809.072)	-
Xí nghiệp Sản xuất gia công bao đay Đại Thắng	5.294	315.035.552	(315.035.552)	-	4.929	315.035.552	(315.035.552)	-
Khác		136.399.218	(129.924.218)	6.475.000		123.899.227	(123.899.227)	-
		<u>1.451.243.842</u>	<u>(1.444.768.842)</u>	<u>6.475.000</u>		<u>1.438.743.851</u>	<u>(1.438.743.851)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(17.436.836.057)</u>				<u>(15.779.295.445)</u>	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	66.222.742.923	66.244.000
Nguyên vật liệu	307.959.687.701	385.684.986.504
Công cụ và dụng cụ	18.047.380.475	17.139.285.445
Sản phẩm dở dang	45.869.337.537	47.785.713.462
Thành phẩm	289.316.973.081	256.431.849.393
Hàng hóa	330.610.112.020	70.596.402.593
Hàng gửi đi bán	13.572.230.000	10.121.389.059
	<hr/>	<hr/>
	1.071.598.463.737	787.825.870.456

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 730.775 triệu VND (1/7/2016: 498.080 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Chi phí thuê đất tại Campuchia (*)	31.920.000.000	-
Chi phí trả trước cho mùa vụ sản xuất tiếp theo	29.879.933.066	21.047.003.529
Chi phí bảo trì tài sản cố định	2.362.041.576	3.540.076.234
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.627.849.057	3.428.688.543
	68.789.823.699	28.015.768.306

(*) Khoản này phản ánh tiền thuê đất tại Campuchia để trồng mía cho mùa vụ sản xuất tiếp theo.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê đất	Công cụ và	Tổng
	trả trước	dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	120.559.875.913	4.407.851.770	124.967.727.683
Tăng trong năm	32.090.112.000	3.444.459.265	35.534.571.265
Phân bổ trong năm	(2.709.210.696)	(4.716.082.097)	(7.425.292.793)
Số dư cuối năm	149.940.777.217	3.136.228.938	153.077.006.155

Chi phí thuê đất trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm khoản tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Kim để xây nhà kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 117.851 triệu VND (1/7/2016: 120.560 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	225.256.475.938	737.006.324.980	33.704.782.736	13.180.069.021	1.009.147.652.675
Tăng trong năm	-	25.643.631.909	-	206.070.500	25.849.702.409
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.220.468.091	25.867.924.763	829.342.560	609.531.728	29.527.267.142
Thanh lý	-	(6.244.875.610)	-	-	(6.244.875.610)
Xóa sổ	-	(1.344.185.809)	-	-	(1.344.185.809)
Số dư cuối năm	227.476.944.029	780.928.820.233	34.534.125.296	13.995.671.249	1.056.935.560.807
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	101.443.083.033	390.471.692.399	15.348.987.155	6.422.861.527	513.686.624.114
Khấu hao trong năm	9.701.126.100	50.934.937.262	3.036.068.888	1.487.640.453	65.159.772.703
Thanh lý	-	(1.113.286.273)	-	-	(1.113.286.273)
Xóa sổ	-	(1.344.185.809)	-	-	(1.344.185.809)
Số dư cuối năm	111.144.209.133	438.949.157.579	18.385.056.043	7.910.501.980	576.388.924.735
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	123.813.392.905	346.534.632.581	18.355.795.581	6.757.207.494	495.461.028.561
Số dư cuối năm	116.332.734.896	341.979.662.654	16.149.069.253	6.085.169.269	480.546.636.072

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 173.479 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: 139.580 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 454.837 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/7/2016: 484.124 triệu VND) (Thuyết minh 25).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	16.521.496.458	2.826.617.042	1.782.191.931	21.130.305.431
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	8.671.882.288	2.723.769.472	995.747.662	12.391.399.422
Khấu hao trong năm	743.052.874	45.339.108	453.120.468	1.241.512.450
Số dư cuối năm	9.414.935.162	2.769.108.580	1.448.868.130	13.632.911.872
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7.849.614.170	102.847.570	786.444.269	8.738.906.009
Số dư cuối năm	7.106.561.296	57.508.462	333.323.801	7.497.393.559

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 3.681 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: 2.892 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	17.560.643.130	42.533.352.370	60.093.995.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	292.677.386	708.889.206	1.001.566.592
Khấu hao trong năm	878.032.157	2.126.667.619	3.004.699.776
Số dư cuối năm	1.170.709.543	2.835.556.825	4.006.266.368
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	17.267.965.744	41.824.463.164	59.092.428.908
Số dư cuối năm	16.389.933.587	39.697.795.545	56.087.729.132

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 56.088 triệu VND (1/7/2016: 59.092 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	112.759.800.088	129.151.868.730
Tăng trong năm	47.943.219.073	55.288.362.806
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.527.267.142)	(69.918.007.948)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.762.423.500)
Số dư cuối năm	131.175.752.019	112.759.800.088

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia	(*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án nhà máy điện mặt trời Thành Long	(**)	23.512.406.107	23.512.406.107
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nông trường Thành Long		17.797.167.705	19.611.420.423
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trụ sở chính		29.011.541.433	14.293.455.545
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Trị An		5.171.291.015	8.845.623.334
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Tây Ninh		4.259.142.480	829.342.560
Xây dựng cơ bản dở dang khác		11.741.826.724	5.985.175.564
Số dư cuối năm		131.175.752.019	112.759.800.088

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co. Ltd. để chuyển nhượng dự án này với giá trị chuyển nhượng là 2.026.740 USD và bên mua đã ứng trước 1.621.392 USD cho Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành do có sự thay đổi trong luật và quy định của Campuchia, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính riêng này và số tiền ứng trước được ghi nhận vào khoản phải trả khác (Thuyết minh 24).

(**) Trong năm, Hội đồng Quản trị quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư “Dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời Thành Long” thay thế cho dự án “Cụm Công nghiệp chế biến Tây Sông Vàm Cỏ”.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18.997 triệu VND (1/7/2016: 19.071 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	30/6/2017			Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	1/7/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND			Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty con:										
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa		100%	1.030.726.951.350	-	(*)		100%	1.030.726.951.350	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	11.760.000	98,00%	117.600.000.000	-	(*)	11.760.000	98,00%	117.600.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang	4.252.926	94,51%	84.430.816.000	-	(*)	4.252.926	94,51%	84.430.816.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu		60,00%	798.000.000.000	-	(*)		-	-	-	-
▪ Công ty TNHH Hải Vi		-	-	-	-		100%	22.000.000.000	-	(*)
			<u>2.030.757.767.350</u>	-				<u>1.254.757.767.350</u>	-	
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:										
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	12.703.166	43,20%	159.546.814.800	-	(*)	7.789.310	26,49%	79.450.962.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công	720.000	24,00%	7.200.000.000	-	(*)	720.000	24,00%	7.200.000.000	-	(*)
			<u>166.746.814.800</u>	-				<u>86.650.962.000</u>	-	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017					1/7/2016				
	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn khác vào các đơn vị khác:										
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.778.355	13,08%	17.360.136.000	-	(*)	1.185.570	13,08%	11.432.286.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Hải Vi		1,00%	220.000.000	-	(*)		-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh		-	-	-		3.853.520	2,08%	55.565.088.034	-	120.229.824.000
			<hr/>					<hr/>		
			17.580.136.000	-				66.997.374.034	-	
			<hr/>					<hr/>		
			2.215.084.718.150	-				1.408.406.103.384	-	
			<hr/>					<hr/>		

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các hoạt động chính của các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Công ty	Thuyết minh	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Các hoạt động chính
Các công ty con			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa		Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 11 năm 2015.	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa		Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313733213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 4 năm 2016.	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu, kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống.
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang		Giấy phép Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005.	Sản xuất và kinh doanh đường và các phụ phẩm khác từ mía; nước giải khát; thức ăn gia súc và sản phẩm nông nghiệp; phân bón hữu cơ.
▪ Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai)		Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900764381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 1 năm 2011.	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía.
▪ Công ty TNHH Hải Vi	(i)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư ngành nông nghiệp.
Các công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	(ii)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007.	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường, sắn và cao su.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty	Thuyết minh	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Các hoạt động chính
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công		Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.

- (i) Vào ngày 16 tháng 9 năm 2016, Công ty đã thanh lý 99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong công ty con này cho một bên liên quan với số tiền là 21,9 tỷ VND.
- (ii) Vào ngày 4 tháng 7 năm 2016, Công ty đã mua thêm 4.913.856 cổ phiếu của công ty này và tăng tỷ lệ sở hữu lợi ích vốn chủ sở hữu từ 26,49% lên 43,20%.

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	1.408.406.103.384	106.904.479.384
Tăng đầu tư trong năm	884.023.702.800	1.313.199.088.000
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	-	(2.697.464.000)
Thanh lý (*)	(77.345.088.034)	(9.000.000.000)
Số dư cuối năm	2.215.084.718.150	1.408.406.103.384

- (*) Trong năm, Công ty đã thanh lý 99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Hải Vi và toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Giao dịch được tóm tắt như sau:

	G Công ty TNHH Hải Vi VND	Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh VND
Giá bán	21.974.696.084	114.218.310.000
Giá vốn khoản đầu tư	(21.780.000.000)	(55.565.088.034)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	194.696.084	58.653.221.966

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	-	12.124.335.245
Tăng trong năm	-	5.547.723.589
Hoàn nhập	-	(10.922.058.834)
Sử dụng trong năm	-	(6.750.000.000)
Số dư cuối năm	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản đầu tư vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 1.828.727 triệu VND (1/7/2016: 1.030.727 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty (Thuyết minh 25).

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho: Chi phí phải trả	4.917.066.255	1.928.703.378

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/7/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Hải Vi	12.240.475.675	13.569.967.663
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	9.970.456.338	109.199.587.055
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	-	71.361.579.670
Các nhà cung cấp khác	80.732.508.513	48.272.463.398
Tổng cộng	102.943.440.526	242.403.597.786

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Hải Vi	12.240.475.675	13.569.967.663
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	9.970.456.338	109.199.587.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.805.783.582	1.264.200.740
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang	7.288.690.383	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Thành Công Gia Lai	4.284.000.000	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	2.484.889.020	796.169.840
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	2.382.064.800	1.703.896.800
Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công	101.617.320	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	75.240.000	10.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	-	71.361.579.670
	<hr/>	<hr/>
	47.633.217.118	197.905.401.768

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày đối chiếu thanh toán.

(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 7 năm 2016.

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Trả trước từ các bên liên quan	-	1.534.581.876
	<hr/>	<hr/>

Khoản người mua trả tiền trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/7/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/Cán trừ/Phân loại lại trong năm VND	30/6/2017 VND
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.992.448.472	9.810.647.602	(14.803.096.074)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	208.659.376.976	(208.659.376.976)	-
Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu	-	19.515.852.113	(19.515.852.113)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	20.944.480.755	(20.944.480.755)	-
Thuế thu nhập cá nhân	126.027.624	3.035.508.799	(2.661.814.432)	499.721.991
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.888.015	(2.888.015)	-
Các loại thuế khác	4.017.592	3.202.811.934	(3.198.414.484)	8.415.042
	5.122.493.688	265.171.566.194	(269.785.922.849)	508.137.033

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/7/2016 VND	Số phát sinh/ Phân loại lại trong năm VND	Số hoàn lại trong năm VND	30/6/2017 VND
Thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.119.114.549	-	1.119.114.549
Thuế nhập khẩu	200.763.637	171.676.324	(93.125.241)	279.314.720
	200.763.637	1.290.790.873	(93.125.241)	1.398.429.269

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.747.841.385	6.443.055.152
Chi phí lãi vay	9.263.783.291	5.437.797.428
Chi phí vận chuyển	3.425.635.590	1.222.558.408
Chi phí hỗ trợ cho nông dân trồng mía	1.139.999.481	317.085.329
Chi phí khác	8.347.717.754	4.625.341.936
	33.924.977.501	18.045.838.253

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd. (*)	33.172.706.250	33.172.706.250
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	1.543.971.001	326.439.185
Cổ tức phải trả	1.748.347.500	1.782.798.900
Chi phí tiền lương và công tác phí cho nhân viên bán hàng	-	2.112.986.157
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	3.917.392.948
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	6.450.175.000
Phải trả khác	5.704.386.872	9.258.136.629
	42.169.411.623	57.020.635.069

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd. thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd. để mua dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/7/2016 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		30/6/2017 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.511.022.655.564	5.721.288.882.233	(4.498.734.203.012)	2.733.577.334.785
Vay dài hạn đến hạn trả	23.393.981.639	26.494.051.487	(20.012.825.410)	29.875.207.716
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	100.000.000.000	100.000.000.000	(100.000.000.000)	100.000.000.000
	1.634.416.637.203	5.847.782.933.720	(4.618.747.028.422)	2.863.452.542.501

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
					30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	498.139.688.916	644.946.400.045	Hàng tồn kho	100.000.000.000	-
				Tài sản cố định hữu hình	232.202.790.141	265.218.482.565
				Xây dựng cơ bản dở dang	17.713.895.162	17.928.523.330
Khoản vay 2 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	USD	202.307.123.700		- Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1.		
Khoản vay 3 từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	967.150.796.038	279.698.206.982	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	150.000.000.000	97.828.000.000
				Hàng tồn kho	150.000.000.000	130.000.000.000
Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	41.526.457.297	160.834.936.032	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	170.775.000.000	167.550.000.000
				Hàng tồn kho	170.775.000.000	167.550.000.000
Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	95.918.625.000		- Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 4.		

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
					30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 6 từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	148.206.293.547	141.184.013.449	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 7 từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	69.435.582.229	99.448.669.652	Hàng tồn kho	100.000.000.000	100.000.000.000
Khoản vay 8 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	54.399.728.225	54.689.824.271	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	50.000.000.000	50.000.000.000
Khoản vay 9 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội	VND	45.114.175.253	44.955.011.263	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 8.		
Khoản vay 10 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	VND	59.520.350.785	51.596.232.568	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 11 từ Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	89.899.120.699	1.051.148.343	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	60.000.000.000	-
				Hàng tồn kho	60.000.000.000	100.530.000.000
Khoản vay 12 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	48.193.169.101	-	Hàng tồn kho	150.000.000.000	-
Khoản vay 13 từ Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	44.000.000.000	-	Không được đảm bảo	-	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp 30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 14 từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	VND	100.000.000.000		- Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 15 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	63.756.000.000		- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	136.620.000.000	-
Khoản vay 16 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	24.915.028.762		- Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 15.		
Khoản vay 17 từ Ngân hàng Mizuho Corporate Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	181.095.195.233		- Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 18 từ Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	32.618.212.959	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	44.680.000.000
		<u>2.733.577.334.785</u>	<u>1.511.022.655.564</u>			

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 5,1% đến 6,8% (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 5,2% đến 6,8%) và từ 2,4% đến 2,6% (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 2,5%) trong năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	120.945.352.270	131.079.838.500
Trái phiếu thường phát hành (ii)	1.027.412.533.329	500.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.148.357.885.599 (129.875.207.716)	631.079.838.500 (123.393.981.639)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.018.482.677.883	507.685.856.861
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
						30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk	VND	2023	76.667.000.000	80.000.000.000	Chi phí trả trước dài hạn	117.850.665.217	120.559.875.913
Khoản vay 2 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk	VND	2022	14.285.853.942	14.519.689.322	Tài sản cố định hữu hình	20.631.403.356	25.582.940.160
					Xây dựng cơ bản dở dang	1.282.738.976	1.143.472.040
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	VND	2020	5.230.027.400	7.242.998.200	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 4 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2018	3.682.120.640	6.138.120.640	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1.		
Khoản vay 5 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2019	9.755.050.288	5.216.121.768	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1.		
Khoản vay 6 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2017	-	6.924.386.602	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1.		

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn			Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 7 từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	2019	11.325.300.000	-	Tài sản cố định hữu hình	17.628.024.332	-
Khoản vay 8 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2018	-	11.038.521.968	Không được đảm bảo	-	-
			120.945.352.270	131.079.838.500			
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(29.875.207.716)	(23.393.981.639)			
			91.070.144.554	107.685.856.861			

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 9,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 3,9% đến 9,5%).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Năm đáo hạn			Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá:							
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	2021	397.023.333.329	500.000.000.000	Tài sản cố định hữu hình	184.374.573.106	193.324.421.396
					Bất động sản đầu tư	56.087.729.132	59.092.428.908
					Đầu tư tài chính dài hạn		
						1.030.726.951.350	1.030.726.951.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	VND	2023	630.389.200.000	-	Đầu tư tài chính dài hạn	798.000.000.000	-
			1.027.412.533.329	500.000.000.000			
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng			(100.000.000.000)	(100.000.000.000)			
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			927.412.533.329	400.000.000.000			

Trái phiếu thường chịu lãi suất năm từ 8,5% đến 9,95% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 8,5%).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	21.751.504.706	5.990.756.991
Phân bổ từ lợi nhuận sau thuế	6.818.552.071	32.789.994.943
Phân loại lại từ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	-
Sử dụng quỹ trong năm	(10.544.753.788)	(17.029.247.228)
Số dư cuối năm	21.942.695.937	21.751.504.706

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	629.949.180.000	39.817.240.000	144.497.938.660	-	100.185.541.361	914.449.900.021
Phát hành cổ phiếu	665.162.800.000	421.895.460.000	-	-	-	1.087.058.260.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	175.204.381.660	175.204.381.660
Cổ tức	-	-	-	-	(61.671.999.000)	(61.671.999.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.793.976.457	-	(9.793.976.457)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(32.789.994.943)	(32.789.994.943)
Trích tiền thưởng vượt kế hoạch	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Phân bổ vào kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	1.295.111.980.000	461.712.700.000	154.291.915.117	-	164.133.952.621	2.075.250.547.738
Phát hành cổ phiếu	1.295.111.980.000	(332.887.000)	-	-	-	1.294.779.093.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	388.520.530.000	(388.520.530.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	111.744.666.403	111.744.666.403
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	17.520.438.166	13.000.000.000	(30.520.438.166)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(6.818.552.071)	(6.818.552.071)
Phân loại lại từ kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	-	-	6.450.175.000	-	6.450.175.000
Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.193.000.000)	-	(1.193.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.978.744.490.000	72.859.283.000	171.812.353.283	18.257.175.000	238.539.628.787	3.480.212.930.070

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/7/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	297.874.449	2.978.744.490.000	129.511.198	1.295.111.980.000
Cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	297.874.449	2.978.744.490.000	129.511.198	1.295.111.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017		Năm kết thúc 30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm để mua lại một công ty con	-	-	60.349.080	603.490.800.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền	129.511.198	1.295.111.980.000	6.167.200	61.672.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	38.852.053	388.520.530.000	-	-
Số dư cuối năm	297.874.449	2.978.744.490.000	129.511.198	1.295.111.980.000

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2016, Đại hội Cổ đông Bất thường của Công ty đã thông qua phương án phát hành 38.852.053 cổ phiếu theo mệnh giá để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và 129.511.198 cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 23 tháng 8 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu này vào ngày 4 tháng 5 năm 2017.

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được phân phối từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích chi trả kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.798.987.483	3.992.203.835
Từ hai đến năm năm	10.009.149.095	10.846.890.863
Sau năm năm	57.976.860.445	59.938.106.161
	70.784.997.023	74.777.200.859

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	200.692.338.243	205.205.820.197
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	188.729.989.704	17.378.737.113
	389.422.327.947	222.584.557.310

(c) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác	155.171.502.014	12.380.131.533
	155.171.502.014	12.380.131.533

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/7/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	16.300	370.012.724	18.118	403.495.876
EUR	250	6.450.153	250	6.177.750
		376.462.877		409.673.626

(e) Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xóa sổ	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Phải thu từ khách hàng	Trước 2006	758.295.202	758.295.202
Phải thu từ khách hàng	2006	203.769.039	203.769.039
Phải thu từ khách hàng	2007	1.034.299.060	1.034.299.060
Phải thu từ nông dân trồng mía	2009	70.095.481	70.095.481
Phải thu từ khách hàng	2011	164.641.794	164.641.794
Phải thu từ nông dân trồng mía	2012	7.667.321.445	7.881.573.485
Phải thu từ khách hàng	2014	46.300.961	46.300.961
		9.944.722.982	10.158.975.022

(f) Bảo lãnh phát hành

Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của một công ty con với số tiền bảo lãnh tối đa là 6 triệu USD. Công ty sẽ có rủi ro tín dụng nếu công ty con không trả được các khoản vay.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	4.529.974.686.723	4.089.833.454.592
▪ Cung cấp dịch vụ	11.237.888.193	11.238.206.032
▪ Cho thuê	7.234.997.449	-
	<hr/>	<hr/>
	4.548.447.572.365	4.101.071.660.624
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu hàng bán	11.637.636.888	17.550.158.073
▪ Hàng bán bị trả lại	3.106.920.342	3.902.918.113
▪ Giảm giá hàng bán	-	230.745.429
	<hr/>	<hr/>
	14.744.557.230	21.683.821.615
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	4.533.703.015.135	4.079.387.839.009
	<hr/>	<hr/>

33. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	4.207.611.285.282	3.605.558.492.958
▪ Dịch vụ đã cung cấp	6.982.022.787	5.756.677.619
▪ Chi phí tài sản cho thuê	7.501.530.843	-
	<hr/>	<hr/>
	4.222.094.838.912	3.611.315.170.577
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	9.883.867.880	915.491.794
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	13.511.150.018	9.426.693.025
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các đơn vị khác vay	29.547.804.310	22.285.220.974
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	908.222.545	2.959.532.965
Thu nhập cổ tức	81.078.684.800	627.704.000
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con	194.696.084	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào các đơn vị khác	58.653.221.966	-
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	1.374.009.017	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.682.662.629	825.934.329
	<hr/>	<hr/>
	198.834.319.249	37.040.577.087

35. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	152.385.871.054	74.907.916.977
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	5.547.723.589
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(10.922.058.834)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.866.327.617	9.010.727.789
Chi phí khác	1.412.595.041	2.974.173.650
	<hr/>	<hr/>
	157.664.793.712	81.518.483.171

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Chi phí bán hàng**

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	22.175.495.005	35.237.936.677
Công cụ và dụng cụ	2.003.189.376	1.230.314.081
Khấu hao và phân bổ	1.832.583.410	1.989.375.837
Chi phí vận chuyển	56.554.459.705	42.420.635.197
Chi phí hỗ trợ bán hàng	26.270.419.965	11.212.920.005
Chi phí khác	7.533.794.095	7.129.288.640
	<hr/>	<hr/>
	116.369.941.556	99.220.470.437
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	65.763.983.889	62.104.959.758
Công cụ và dụng cụ	1.584.902.816	2.635.514.490
Văn phòng phẩm	860.545.378	1.485.383.712
Khấu hao và phân bổ	7.488.198.277	5.271.868.065
Thuế và lệ phí	68.566.747	551.167.468
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.657.540.612	2.752.539.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.413.006.314	15.721.960.106
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.115.625.000	1.121.375.000
Chi phí khác	18.765.084.812	15.164.188.957
	<hr/>	<hr/>
	118.717.453.845	106.808.957.215
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Thu nhập khác**

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	316.638.522	5.767.068.309
Tiền thu từ các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ	198.199.518	398.819.886
Bồi thường nhận được	277.931.663	210.591.219
Thu nhập khác	97.310.916	129.471.897
	<hr/>	<hr/>
	890.080.619	6.505.951.311

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.938.898.847.614	2.211.211.203.210
Chi phí nhân công và nhân viên	169.797.173.842	163.112.571.466
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.405.984.929	56.010.199.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.086.373.947	70.398.139.961
Chi phí khác	135.601.483.744	70.077.520.332

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	9.810.647.602	38.600.115.747
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.290.736.460
	9.810.647.602	40.890.852.207
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.988.362.877)	5.486.988.706
	6.822.284.725	46.377.840.913

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.566.951.128	221.582.222.573
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.713.390.226	46.532.266.740
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	433.512.082
Chi phí không được khấu trừ thuế	346.396.611	380.153.939
Thu nhập không chịu thuế	(16.215.736.960)	(515.949.836)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(1.021.765.152)	(2.742.878.472)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.290.736.460
	6.822.284.725	46.377.840.913

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngoài ra, theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty để mua một công ty con	-	1.025.934.360.000
Trích trước chi phí liên quan đến phát hành cổ phiếu phổ thông	-	67.100.000
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	93.438.762.643	106.660.532.126
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	8.638.287.338	9.440.751.168
Chi phí khấu hao vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	2.709.210.696	1.354.605.347

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Các cổ đông lớn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	83.389.516.903	181.841.388.596
Mua hàng hóa và dịch vụ	95.880.762.938	49.023.256.139
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	1.763.778.100	3.090.574.632
Phân phối cổ tức	-	14.048.494.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	37.203.273.414	85.068.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.240.252.950	14.062.337.945
Phân phối cổ tức	-	5.042.686.000
Thu nhập lãi cho vay	631.655.284	436.273.495
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa		
Mua hàng hóa	1.096.002.386.522	834.355.745.828
Thu nhập cổ tức	60.000.000.000	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	14.189.057.453	2.307.092.982
Bán hàng hóa	240.566.697	40.428.348.914
Bán tài sản cố định	-	92.174.394.703
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang		
Bán hàng hóa	621.916.100	4.844.226.259
Bán tài sản cố định	-	116.980.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.394.636.729	105.396.686.972
Thu nhập cổ tức	7.655.266.800	627.704.000
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng	8.727.476	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	29.166.667	141.935.996
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu		
Bán hàng hóa	89.578.374.246	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa		
Bán hàng hóa	812.224.873.566	-
Mua hàng hóa	2.346.606.749	-
Chi phí lãi từ người mua trả tiền trước	441.361.431	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	314.066.321.159	619.232.675.027
Mua hàng hóa và dịch vụ	176.490.540.030	469.329.461.318
Phân phối cổ tức	-	10.465.910.000
Công ty Cổ phần Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	6.545.456	1.287.904
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.057.847.113	495.100.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.436.287.718	2.268.334.977
Thu nhập lãi cho vay	4.156.013.886	6.202.083.338
Bán hàng hóa	245.543.375	3.367.171.711
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.479.912.858	30.000.000
Công ty TNHH Hải Vi		
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.616.703.176	14.765.846.022
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.663.061.785	5.303.217.366
Thu nhập cổ tức	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín		
Bán hàng hóa và dịch vụ	35.525.376.124	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	103.759.000.000	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	4.586.166.666	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Thành Công Gia Lai		
Bán hàng hóa và dịch vụ	70.193.889	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	136.725.742.206	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Bán hàng hóa và dịch vụ	176.409.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.778.082.249	-
Doanh thu tài chính từ trả trước cho người bán	95.861.111	-
Công ty Cổ phần Lộc Thổ		
Thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con	21.974.696.084	-
Đặt cọc thuê đất	300.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.115.625.000	1.121.375.000
Tiền lương và thưởng	5.252.166.759	5.181.869.084

42. Các sự kiện sau niên độ

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc hoán đổi cổ phiếu với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh theo tỷ lệ hoán đổi là 1:1,02 và hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty. Ngày 7 tháng 6 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh theo nghị quyết của các cổ đông. Ngày 25 tháng 7 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty và đã có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2017.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Vân
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Ngô Thị Thanh Hằng
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Thảo
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực